

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sỹ Huyền, bà Nguyễn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 10/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26/02/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 05/3/2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 14/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 24/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Trọng L; sinh ngày: 28/02/1950. Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Trần Thị V; sinh ngày: 19/02/1955. Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Trọng L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trọng L và bà Trần Thị V kết hôn với nhau vào năm 1975 (Giấy chứng nhận kết hôn đã mất), sau khi kết hôn ông L, bà V sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn đến ngày 10/5/2023 thì ông L và bà V thực hiện việc đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, tuy

thực hiện việc đăng ký kết hôn lại nhưng trên thực tế ông L và bà V sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống hàng ngày mỗi người một tính cách nên trong việc sản xuất nông nghiệp giữa ông L và bà V không thống nhất về cách thức gieo trồng các loại lúa giữa các mùa vụ dẫn đến sản lượng nông nghiệp hàng năm không có hơn nữa bà V thường xuyên chửi bới và xúc phạm ông L nên từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện tại ông Lê Trọng L xác định giữa ông L và bà V không còn tình cảm, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L được ly hôn với bà V để đảm bảo cuộc sống hai bên.

- *Về con chung*: Quá trình sống chung ông L và bà V có 06 người con chung gồm anh Lê Trọng H1, sinh ngày 10/6/1976, anh Lê Trọng N, sinh ngày 15/8/1979, chị Lê Thị T, sinh ngày 19/01/1981, chị Lê Thị Tố N1, sinh ngày 04/6/1983, anh Lê Văn T1, sinh ngày 05/01/1987, anh Lê Văn Q, sinh ngày 18/10/1989. Hiện tại anh H1, anh N, chị T, chị N1, anh T1, anh Q đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Lê Trọng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2025 bị đơn bà Trần Thị V trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị V và ông Lê Trọng L kết hôn với nhau từ năm 1975 (Giấy chứng nhận kết hôn đã mất) đến ngày 10/5/2023 thì bà V và ông L thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình sống chung giữa bà V và ông L không có mâu thuẫn, hiện tại ông L yêu cầu ly hôn nhưng bà V không đồng ý ly hôn với ông L.

- *Về con chung*: Quá trình sống chung bà V và ông L có 06 người con chung gồm anh Lê Trọng H1, sinh ngày 10/6/1976, anh Lê Trọng N, sinh ngày 15/8/1979, chị Lê Thị T, sinh ngày 19/01/1981, chị Lê Thị Tố N1, sinh ngày 04/6/1983, anh Lê Văn T1, sinh ngày 05/01/1987, anh Lê Văn Q, sinh ngày 18/10/1989. Vì bà V không đồng ý việc ly hôn nên không trình bày ý kiến về con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Trần Thị V không đồng ý việc ly hôn theo yêu cầu của ông Lê Trọng L nên bà V không trình bày ý kiến của mình về tài sản chung và nợ chung.

* *Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị V thay đổi lời khai của mình về nguyên nhân mâu thuẫn và về tài sản chung cụ thể*: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà V và Ông L là do ông L có lối sống gia trưởng, giữa bà V và ông L không thống nhất về việc lựa chọn loại giống lúa để sản xuất, ông L có đánh đập bà V và trong những lần tổ chức lễ cưới cho các con thì ông L không có đóng góp gì và không tham gia lễ cưới, ngoài ra vào năm 2015 bà V có vay của ông L số tiền 5.000.000 đồng, ông L tính tiền

lãi là 1.000.000 đồng nên xảy ra mâu thuẫn, bà V và ông L sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Bà V đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân.

** Theo kết quả xác minh ngày 05/3/2025 của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H; Hội liên hiệp phụ nữ xã S, huyện H và thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện:* Ông Lê Trọng L và bà Trần Thị V sống chung với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn từ năm 1975 đến ngày 10/5/2023 thì ông L và bà V thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn ông L và bà V sống tại thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Lê Trọng L và bà Trần Thị V thì chính quyền địa phương không có căn cứ để xác định, tuy nhiên từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay ông L và bà V sống ly thân nhau.

Quá trình sống chung ông Lê Trọng L và bà Trần Thị V có 06 người con chung gồm anh Lê Trọng H1, sinh ngày 10/6/1976, anh Lê Trọng N, sinh ngày 15/8/1979, chị Lê Thị T, sinh ngày 19/01/1981, chị Lê Thị Tố N1, sinh ngày 04/6/1983, anh Lê Văn T1, sinh ngày 05/01/1987, anh Lê Văn Q, sinh ngày 18/10/1989.

** Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay thấy rằng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định tư cách pháp lý của đương sự theo đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Thụ lý vụ án và thời hạn gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự; lập hồ sơ vụ án theo đúng Điều 204 Bộ luật tố tụng dân sự; tổ chức hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đúng quy định Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án như nguyên tắc xét xử, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục hỏi tại phiên tòa, thủ tục tranh luận tại phiên tòa. Nguyên đơn ông Lê Trọng L có mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, bị đơn bà Trần Thị V vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên

tòa lần thứ nhất vào ngày 24/3/2025 không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các khoản 11, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 71, khoản 1 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho ông Lê Trọng L được ly hôn bà Trần Thị V.

+ *Về quan hệ con chung:* Quá trình sống chung ông Lê Trọng L và bà Trần Thị V có 06 người con chung gồm anh Lê Trọng H1, sinh ngày 10/6/1976, anh Lê Trọng N, sinh ngày 15/8/1979, chị Lê Thị T, sinh ngày 19/01/01/1981, chị Lê Thị Tố N1, sinh ngày 04/6/1983, anh Lê Văn T1, sinh ngày 05/01/1987, anh Lê Văn Q, sinh ngày 18/10/1989. Hiện nay anh H1, anh N, chị T, chị N1, anh T1, anh Q đã trên 18 tuổi nên đề nghị hội đồng xét xử miễn xét.

+ *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án Ông L, bà V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung. Nhưng tại phiên tòa bà V đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 200, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà V. Bà V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Lê Trọng L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn bà Trần Thị V. Bà V có nơi cư trú tại thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Trọng L đã có bản khai, bản lấy lời khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tố tụng và cũng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra, giao nộp tiếp cận chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa

cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn ông Lê Trọng L đã chấp hành đầy đủ. Bị đơn bà Trần Thị V không thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự đó là không có mặt tại Tòa án theo đúng thời gian đã thông báo để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án và Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã làm việc tại gia đình bà V thì bà V không hợp tác, không ghi bản tự khai, Tòa án tiến hành lấy lời khai thì bà V có trình bày ý kiến nhưng không ký vào biên bản.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Trọng L và bà Trần Thị V được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa ông Lê Trọng L và bà Trần Thị V được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị V cho rằng giữa bà V và ông L không có mâu thuẫn nhưng tại phiên tòa hôm nay qua trình bày của nguyên đơn ông Lê Trọng L, bị đơn bà Trần Thị V và kết quả xác minh xét đến cùng thì nguyên nhân cũng bắt đầu từ sự bất đồng về quan điểm sống, giữa ông L và bà V, ông L và bà V không có sự thấu hiểu, quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng. Điều đó được thể hiện qua thời gian ông L, bà V sống ly thân cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, giữa hai ông bà không gặp gỡ, trao đổi, bàn bạc và có ý hàn gắn tình cảm với nhau. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của ông Lê Trọng L và bà Trần Thị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Trọng L đối với bà Trần Thị V.

[4] *Về quan hệ con chung*: Quá trình sống chung ông Lê Trọng L và bà Trần Thị V có 06 người con chung gồm anh Lê Trọng H1, sinh ngày 10/6/1976, anh Lê Trọng N, sinh ngày 15/8/1979, chị Lê Thị T, sinh ngày 19/01/1981, chị Lê Thị Tố N1, sinh ngày 04/6/1983, anh Lê Văn T1, sinh ngày 05/01/1987, anh Lê Văn Q, sinh ngày 18/10/1989. Hiện nay anh H1, anh N, chị T, chị N1, anh T1, anh Q đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình riêng, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông Lê Trọng L và bà Trần Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

Tại phiên tòa bà V đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản chung của vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà V đưa ra sau thời điểm Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này bà V yêu cầu và có chứng cứ sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy

định pháp luật.

[6] *Về nợ chung*: Ông Lê Trọng L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] *Về án phí*: Ông Lê Trọng L thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 6 Điều 72 ; Điều 143; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 244 ; khoản 3 Điều 200 ; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016, xử:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Trọng L được ly hôn với bà Trần Thị V.

* *Về tài sản chung*: Ông Lê Trọng L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị V về giải quyết tài sản chung. Bà Trần Thị V có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

* *Về án phí*: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Lê Trọng L.

* *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn ông Lê Trọng L, bị đơn bà Trần Thị V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/4/2025).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- Chi cục THA Dân sự Hương Sơn;
- UBND xã Sơn Lâm;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung

- Lưu hồ sơ, VP.

